TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bỉnh Quyền

Bà Đỗ Thị Vân

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 214/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 3 P, xã Ch, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 3 P, xã Ch, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, vắng mặt bị đơn anh Lê Văn L không có lý do, dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2019, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn do UBND xã Ch cấp năm 2008. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lê Văn L ngoại tình, bỏ mặc không quan tâm đến vợ con. Chị D và gia đình đã khuyên can nhiều nhưng anh L

không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là: Cháu Lê Hồng D, sinh ngày 14/01/2009 và cháu Lê Văn Bảo A, sinh ngày 25/02/2014. Chị D xin được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/8/2019, bà Nguyễn Thị T – mẹ đẻ anh Lê Văn L trình bày: Anh L và chị D kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch năm 2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do vì sao mâu thuẫn thì bà T không rõ. Từ khoảng 2 năm nay, vợ chồng chính thức sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Bà T cho biết anh L có biết việc chị D xin ly hôn anh L và thông tin lại rằng anh L xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên cũng thống nhất ly hôn. Về con: Anh L và chị D có hai con chung là cháu Lê Hồng D, sinh ngày 14/01/2009 và cháu Lê Văn Bảo A, sinh ngày 25/02/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cả hai cháu đều ở với mẹ. Hiện tại, anh L đang đi làm ăn xa, thường xuyên liên lạc về gia đình, thi thoảng cũng có về nhà. Do điều kiện công việc bận nên anh L không về giải quyết việc ly hôn với chị D được, anh L có nhờ bà T nhận hộ các tài liệu, giấy tờ của Tòa án. Bà T xin nhận thay anh L và cam đoan có trách nhiệm giao hoặc thông báo ngay nội dung các văn bản, tài liệu của Tòa án cho anh L.

Xác minh tại địa phương xã Ch, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/8/2019: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn L kết hôn năm 2008. Tuy nhiên vợ chung sống bình thường chỉ được một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn thế nào, chính quyền địa phương cũng không nắm được, chỉ biết là hơn 2 năm nay, chị D và anh L hoàn toàn sống ly thân. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh L, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại lời khai ngày 05/8/2019 của cháu Lê Hồng D thể hiện: Từ tháng 11/2014 đến nay, cháu và em trai luôn sống cùng mẹ là Nguyễn Thị D. Nay bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của

pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Văn L. Về việc nuôi con chung đề nghị HĐXX, giao hai cháu Lê Hồng D và cháu Lê Văn Bảo A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét. Về tài sản: Chị D không yêu cầu nên miễn xét

Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn - chị Nguyễn Thị D không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị D làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn L và xin được nuôi con, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn - anh L có địa chỉ tại xã Ch, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn L không có mặt tại Tòa án để làm việc dù đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án đã trực tiếp đến nhà anh nhưng anh đi làm không có nhà nên đã giao các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị T, bà T cam đoan giao hoặc thông báo ngay nội dung văn bản cho anh L. Ngày 10/9/2019, Tòa án đã tiến hành xác minh và bà Nguyễn Thị T cho biết bà đã giao và thông báo toàn bộ nội dung các văn bản Tòa án giao cho anh L.

Tại phiên tòa lần thứ nhất, ngày 09/9/2019, anh Lê Văn L vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa đồng thời tống đạt ngay quyết định hoãn phiên tòa cho anh L. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh Lê Văn L lại vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Anh Lê Văn L và Chị Nguyễn Thị D tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã Ch năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L có quan hệ ngoại tình. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 11/2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị D khởi kiện xin ly hôn anh L. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh L không đến Tòa án làm việc việc, Tòa án không thu thập được lời khai của anh L. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Văn L.

[2.2]. Về con chung: Chị D và anh L có hai con chung là: cháu Lê Hồng D, sinh ngày 14/01/2009 và cháu Lê Văn Bảo A, sinh ngày 25/02/2014. Chị D có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả hai cháu D và Bảo A, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Xét thấy, anh L đi làm ăn xa, hiện tại hai cháu Lê Hồng D và Lê Văn Bảo A đang ở với mẹ, nên nguyện vọng nuôi con của chị D cũng xuất phát từ lợi ích, tình cảm đối với con. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không thể hiện nguyện vọng của mình về việc nuôi con với Tòa án. Vì vậy căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị xin được nuôi cả hai con Lê Hồng D và Lê Văn Bảo A của chị D và chấp nhận đề nghị của chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản và công nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lê Hồng D, sinh ngày 14/01/2009 và Lê Văn Bảo A, sinh ngày 25/02/2014 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2018/0005732 ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Chị D đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Ch;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Vân